

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
**BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG
CHỐNG DỊCH COVID-19**

Số: 114 /BC-BCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 5, ngày 04 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO
Đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 24/4/2023 đến 30/4/2023

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng, an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 Quận 5 báo cáo đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 24/4/2023 đến 30/4/2023 như sau:

1. Kết quả đánh giá cấp độ dịch các phường:

Sau khi kết hợp các tiêu chí, kết quả như sau:

- Tỷ lệ phường đạt cấp độ 1 là: 86%, gồm 12/14 phường (Phường 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14).
- Tỷ lệ phường đạt cấp độ 2 là: 14%, gồm 2 phường (Phường 1, 10).

2. Chi tiết đánh giá cấp độ dịch các phường: *Đính kèm Phụ lục.*

Nơi nhận:

- Sở Y tế/TP;
- TT.QU – TT.UBND/Q5;
- BCĐ PCDB/Q5;
- VP.QU - VP.UBND/Q5(VX);
- Lưu: VT, YT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN 5
Nguyễn Võ Xuân Kỳ

Bảng đánh giá chi tiết cấp độ dịch các phường tuần từ 24/4/2023 – 30/4/2023
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 11A /BC-BCD ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 Quận 5)

Các chỉ số			Chỉ số 1a			Chỉ số 1b			Chỉ số 1c		Chỉ số 2a				Chỉ số 2b			Chỉ số điều chỉnh mức độ dịch (2a + 2b)		Khả năng đáp ứng 3a			Khả năng đáp ứng 3b			Khả năng đáp ứng 3c			Cấp độ dịch		
Phường	Dân số	Số hộ	Số ca mắc mới trong tuần ngày 24/4-30/4/2023	Tỷ lệ mắc mới trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm theo 1a	Số ca tử vong trung bình trong tuần	Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy Trung Bình trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm Theo 1b	Mức độ lây nhiễm (1a+1b)	Số ca tử vong một trong tuần	Tỷ lệ số ca tử vong trong tuần/100.000 dân	Số môi thêm đủ môi (áp dụng đánh giá mới theo CV 8372 từ ngày 5/12/2022 Tỷ lệ tính bằng tổng trẻ 5 <12 thêm đủ môi cơ bản + người từ 12 tuổi trở lên thêm đủ môi cơ bản và nhắc 1% tăng dân số)		Tỷ lệ tiêm đủ môi VX (%)	Độ phủ VX (2a) (>=75%)	Số môi 3 nguy cơ cao	Tỷ lệ tiêm đủ môi VX (nguy cơ cao) (%)	Độ phủ VX (2b) (>=90%)	Độ phủ VX (Phối hợp 2a+2b)	Mức độ lây nhiễm (Hiệu chỉnh theo chỉ số 2a + 2b)	TYT có định (đang hoạt động)+TYT lưu động (đang hoạt động)+Cơ sở chăm sóc F0 sẵn sàng huy động trong 24 giờ	Tỷ lệ sẵn sàng quân y, chăm sóc/ 10.000 hộ dân	Khả năng đáp ứng (3a)	Tỷ lệ giường bệnh dành cho BN Covid/ 100.000 dân (QH đánh giá, áp dụng cho P/X)	Khả năng đáp ứng (3b)	Khả năng đáp ứng (3a+3b)	Tỷ lệ giường điều trị ICU có đủ NVYT phục vụ/ 100.000 dân (>=4/100.000 dân)	Khả năng đáp ứng (3c)	Hiệu chỉnh khả năng đáp ứng theo chỉ số 3c	Cấp độ dịch (1)	Cấp độ dịch (2) Hiệu chỉnh theo tiêu chí 1c
			Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1a+1b	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Môi 2 người 12-17	Môi 3 người từ 12 trở lên	Chỉ số 2a	Chỉ số 2a	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2a+2b	Điểm số	Chỉ số 3a	Chỉ số 3a	Chỉ số 3b	Chỉ số 3b	Chỉ số 3a+3b	Chỉ số 3c	Chỉ số 3c	Chỉ số 3a+3b+3c	Kết hợp Mức độ lây nhiễm + khả năng đáp ứng	Cấp độ dịch	
Phường 1	17199	4315	8	46,5	1	0,29	1,7	2	2	0	0,0	372	9351	56,53%	Không đạt	4024	100,78%	Đạt	Không đạt	3	3	695,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	2	2
Phường 2	14365	3861	6	41,8	1	0,43	3,0	2	2	0	0,0	252	10873	77,45%	Đạt	4682	105,02%	Đạt	Đạt	2	3	777,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 3	7630	1386	5	65,5	1	1	13,1	2	2	0	0,0	126	8153	108,51%	Đạt	2508	222,74%	Đạt	Đạt	2	4	2886,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 4	10125	2789	2	19,8	1	0	0,0	1	1	0	0,0	153	6435	65,07%	Không đạt	2563	70,43%	Không đạt	Không đạt	2	5	1792,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 5	10847	2726	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	262	9933	93,99%	Đạt	3967	117,75%	Đạt	Đạt	1	9	3301,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 6	8424	2184	1	11,9	1	0	0,0	1	1	0	0,0	179	5849	71,56%	Không đạt	2522	78,15%	Không đạt	Không đạt	2	8	3663,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 7	10273	2535	1	9,7	1	0	0,0	1	1	0	0,0	186	6776	67,77%	Không đạt	3046	81,01%	Không đạt	Không đạt	2	5	1972,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 8	7868	1842	2	25,4	1	0,43	5,5	2	2	0	0,0	330	6355	84,96%	Đạt	2489	92,70%	Đạt	Đạt	2	2	1085,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 9	13233	2963	4	30,2	1	0	0,0	1	1	0	0,0	199	6444	50,20%	Không đạt	2348	86,77%	Không đạt	Không đạt	2	3	1012,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 10	6479	1862	4	61,7	1	0,29	4,5	2	2	0	0,0	177	4868	77,87%	Đạt	1919	76,76%	Không đạt	Không đạt	3	3	1611,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	2	2
Phường 11	11659	3035	4	34,3	1	0	0,0	1	1	0	0,0	304	9987	88,27%	Đạt	4177	106,12%	Đạt	Đạt	1	7	2306,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 12	14857	3710	6	40,4	1	0	0,0	1	1	0	0,0	263	10118	69,87%	Không đạt	4324	97,78%	Đạt	Không đạt	2	7	1886,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 13	8749	2195	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	259	6096	72,64%	Không đạt	2574	93,40%	Đạt	Không đạt	2	3	1366,7	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1
Phường 14	12909	3347	4	31,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	294	10567	84,14%	Đạt	4167	147,24%	Đạt	Đạt	1	3	896,3	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1